

Danh sách các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thể thao Olympic
Địa bàn Thôn Rùa Hạ - đội 1, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (Đợt 1)
(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân là:					304	336.671,0	336.671,0	0,0			304	336.671,0			
1	Hộ ông: Lý Văn Nam	001070017590	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	502	1.044,0	1.044,0	0,0	LUC	03	127	1.044,0	LUC	CE 397835	30/9/2016
				Ép Trong	20	01	720,0	720,0	0,0	LUC	01	115	720,0	LUC		
2	Hộ bà: Nguyễn Thị Sửu	001133003032	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	58	1.542,0	1.542,0	0,0	LUC	03	65	1.542,0	LUC	CG 345057	30/12/2016
				Cỏ Hạc	20	29	1.542,0	1.542,0	0,0	LUC	01	58	1.542,0	LUC		
				Ép trong	20	02	320,0	320,0	0,0	LUC	01	117	320,0	LUC		
3	Hộ bà: Nguyễn Thị Nhiên	001145009231	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	492	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	03	129	1.080,0	LUC	CE 397844	30/9/2016
				Ép Ngoài	20	03	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	01	118	1.080,0	LUC		
4	Hộ ông: Nguyễn Văn Phúc	001059010682	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	462	862,0	862,0	0,0	LUC	03	125	862,0	LUC	CE 396260	9/9/2016
				Ép Trong	20	05	862,0	862,0	0,0	LUC	01	123	862,0	LUC		
5	Hộ bà: Nguyễn Thị Thục	001154021812	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ép Trong	20	04	324,0	324,0	0,0	LUC	01	294	324,0	LUC	CE 207228	31/8/2016
6	Hộ ông: Nguyễn Văn Long (Lan)	001059024021	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	445	1.475,0	1.475,0	0,0	LUC	03	123	1.475,0	LUC	CE 586398	22/11/2016
				Ép Trong	20	06	1.151,0	1.151,0	0,0	LUC	01	122	1.151,0	LUC		
7	Hộ bà: Nguyễn Thị Thủy	001179017445	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ép Trong	20	07	243,0	243,0	0,0	LUC	01	296	243,0	LUC	CE 336808	23/9/2016
				Cửa Am	25	402	243,0	243,0	0,0	LUC	03	125	243,0	LUC		
8	Hộ ông: Trịnh Xuân Thu	001071045606	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ép Trong	20	09	243,0	243,0	0,0	LUC	01	99	243,0	LUC	CE 336807	23/9/2016
				Cửa Am	25	362	243,0	243,0	0,0	LUC	03	114	243,0	LUC		
9	Hộ ông: Trịnh Cao Vân (Ông Trịnh Cao Vân đã chết) - bà Trịnh Thị Thỏa là đại diện	001180017616	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	274	375,0	375,0	0,0	LUC	03	99	375,0	LUC	CG 345029	30/12/2016
				Cửa Am	25	378	188,0	188,0	0,0	LUC	03	114	188,0	LUC		
				Ép Trong	20	10	558,0	558,0	0,0	LUC	01	125	558,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	Hộ bà: Nguyễn Thị Điệp	001175010756	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	239	653,0	653,0	0,0	LUC	03	144	653,0	LUC	CE 396274	9/9/2016
				Ėp Trong	20	14	653,0	653,0	0,0	LUC	01	286	653,0	LUC		
11	Hộ ông: Nguyễn Công Tích	001072007937	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	228	537,0	537,0	0,0	LUC	03	97	537,0	LUC	CE 336815	23/9/2016
				Ėp Trong	20	12	537,0	537,0	0,0	LUC	01	287	537,0	LUC		
12	Hộ bà: Hoàng Thị Dương	001143008928	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Trong	20	15	870,0	870,0	0,0	LUC	01	127	870,0	LUC	CE 586414	30/9/2016
				Đông Moi	21	49	180,0	180,0	0,0	LUC	01	288	180,0	LUC		
				Thác	25	263	803,0	803,0	0,0	LUC	03	145	803,0	LUC		
13	Hộ ông: Nguyễn Thị Nhung	001149015177	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	250	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	03	96	1.179,0	LUC	CE 396263	9/9/2016
				Ėp Trong	21	10	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	01	129	1.179,0	LUC		
14	Hộ ông: Nguyễn Văn Cương (Tuoi)	001068038672	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp trong	21	11	1.523,0	1.523,0	0,0	LUC	3	92	1.523,0	LUC	CE 207218	31/08/2016
				Thác	25	214	1.523,0	1.523,0	0,0	LUC	1	130	1.523,0	LUC		
15	Hộ ông: Hoàng Đức Vinh	001069024389	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	03	351,0	351,0	0,0	LUC	03	06	351,0	LUC	CG 411819	30/12/2016
				Thác	25	192	761,0	761,0	0,0	LUC	03	93	761,0	LUC		
				Ėp trong	21	12	1.091,0	1.091,0	0,0	LUC	01	132	1.091,0	LUC		
16	Hộ ông: Nguyễn Văn Vương	001057026075	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	8	1.697,0	1.697,0	0,0	LUC	03	05	1.697,0	LUC	CE 396262	9/9/2016
				Ėp trong	21	13	1.697,0	1.697,0	0,0	LUC	01	138	1.697,0	LUC		
17	Hộ ông: Nguyễn Văn Tường	001056024992	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	13	1.178,0	1.178,0	0,0	LUC	03	21	1.178,0	LUC	CE 397840	30/9/2016
				Đông Làn	25	81	360,0	360,0	0,0	LUC	03	73	360,0	LUC		
				Ėp trong	21	16	1.153,0	1.153,0	0,0	LUC	01	143	1.153,0	LUC		
18	Hộ ông: Nguyễn Văn Bình (Lai)	001053003899	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	23	1.317,0	1.317,0	0,0	LUC	03	29	1.317,0	LUC	CG 222111	22/12/2016
				Ėp trong	21	15	1.317,0	1.317,0	0,0	LUC	01	150	1.317,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
19	Hộ ông: Nguyễn Văn Kỳ	001046001692	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	37	1.547,0	1.547,0	0,0	LUC	01	173	1.547,0	LUC	CG 222118	22/12/2016
				Ėp Trong	21	18	423,0	423,0	0,0	LUC	01	195	423,0	LUC		
				Thác	25	248	281,0	281,0	0,0	LUC	03	150	281,0	LUC		
20	Hộ bà: Lý Thị Sáu	001151017610	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp trong	20	08	2.448,0	2.448,0	0,0	LUC	01	124	2.448,0	LUC	CE 396391	9/9/2016
21	Hộ ông: Trần Văn Ngọc	001073011698	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	72	360,0	360,0	0,0	LUC	01	259	360,0	LUC	CE 396271	9/9/2016
22	Hộ ông: Nguyễn Văn Toanh	035056009524	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	85	1.800,0	1.800,0	0,0	LUC	03	79	1.800,0	LUC	CE 396386	9/9/2016
				Cỏ Hạc	20	36	1.800,0	1.800,0	0,0	LUC	01	174	1.800,0	LUC		
				Ėp trong	20	17	288,0	288,0	0,0	LUC	01	289	288,0	LUC		
23	Hộ ông: Nguyễn Mạnh Hoạt (Ông Nguyễn Mạnh Hoạt đã chết) - Bà Đặng Thị Tại là đại diện	001157015763	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	103	1.377,0	1.377,0	0,0	LUC	1	270	1.377,0	LUC	CE 207219	31/8/2016
				Ėp trong	20	18	1.376,0	1.376,0	0,0	LUC	1	128	1.376,0	LUC		
24	Hộ ông: Hoàng Văn Đại	001079051528	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	25	05	1.251,0	1.251,0	0,0	LUC	03	4	1.251,0	LUC	CE 396279	9/9/2016
				Ėp trong	20	19	1.251,0	1.251,0	0,0	LUC	01	134	1.251,0	LUC		
25	Hộ ông: Lý Văn Năng (Ông Lý Văn Năng đã chết) - Bà Hoàng Thị Cúc là đại diện	001168003596	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng moi	25	16	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	03	03	1.179,0	LUC	CE 396390	9/9/2016
				Ėp trong	20	22	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	01	133	1.179,0	LUC		
26	Hộ ông: Nguyễn Văn Chiến (Mai)	001065033721	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp trong	20	25	1.674,0	1.674,0	0,0	LUC	01	137	1.674,0	LUC	CE 397850	8/12/2016
				Đồng Moi	25	10	1.116,0	1.116,0	0,0	LUC	03	22	1.116,0	LUC		
				Đồng Làn	25	29	612,0	612,0	0,0	LUC	03	42	612,0	LUC		
27	Hộ ông: Nguyễn Văn Ất	001065008388	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	25	21	1.100,0	1.100,0	0,0	LUC	03	24	1.100,0	LUC	CE 179484	31/8/2016
				Sau đồng	25	24	170,0	170,0	0,0	LUC	03	23	170,0	LUC		
				Ėp trong	21	14	1.263,0	1.263,0	0,0	LUC	01	144	1.263,0	LUC		
28	Hộ ông: Nguyễn Văn Hưng (Lan)	001061028768	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	25	34	1.098,0	1.098,0	0,0	LUC	03	45	1.098,0	LUC	CE 396387	9/9/2016
				Ėp trong	21	19	1.098,0	1.098,0	0,0	LUC	01	149	1.098,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
29	Hộ ông: Nguyễn Văn Long (Ông Nguyễn Văn Long đã chết) - Bà Nguyễn Thị Sự là đại diện	001160059587	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp trong	21	22	1.134,0	1.134,0	0,0	LUC	01	156	1.134,0	LUC	CE 207204	31/8/2016
				Sau đồng	25	28	1.134,0	1.134,0	0,0	LUC	04	15	1.134,0	LUC		
30	Hộ ông: Nguyễn Văn Bón	001054024945	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	25	41	1.116,0	1.116,0	0,0	LUC	04	23	1.116,0	LUC	CE 396267	9/9/2016
				Ėp trong	21	23	1.137,0	1.137,0	0,0	LUC	01	162	1.137,0	LUC		
31	Hộ bà: Lý Thị Nghĩa	001165035284	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	20	1.111,0	1.111,0	0,0	LUC	01	155	1.111,0	LUC	CE 207633	07/9/2016
				Sau Miếu	25	30	1.111,0	1.111,0	0,0	LUC	03	43	1.111,0	LUC		
32	Hộ ông: Hoàng Văn Ngọc	001066009354	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	40	1.229,0	1.229,0	0,0	LUC	03	48	1.229,0	LUC	CG 126996	22/11/2016
				Ėp Ngoài	21	21	1.229,0	1.229,0	0,0	LUC	01	154	1.229,0	LUC		
33	Hộ ông: Đặng Văn Lịch (Ông Đặng Văn Lịch đã chết)- bà Đặng Thị Sáng là đại diện	001182034622	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	48	1.062,0	1.062,0	0,0	LUC	03	59	1.062,0	LUC	CG 411605	30/12/2016
				Ėp Ngoài	21	24	1.062,0	1.062,0	0,0	LUC	01	163	1.062,0	LUC		
34	Hộ bà: Lý Thị Nam	001153017632	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	52	1.008,0	1.008,0	0,0	LUC	03	67	1.008,0	LUC	CE 586416	30/9/2016
				Ėp Ngoài	21	27	1.008,0	1.008,0	0,0	LUC	01	168	1.008,0	LUC		
35	Hộ ông: Hoàng Văn Sinh (Ông Hoàng Văn Sinh đã chết)- ông Hoàng Văn Đông là người đại diện	001085014673	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	70	1.350,0	1.350,0	0,0	LUC	03	76	1.350,0	LUC	CE 396268	9/9/2016
				Ėp Ngoài	21	35	1.350,0	1.350,0	0,0	LUC	01	178	1.350,0	LUC		
36	Hộ ông: Nguyễn Văn Thuận	001053013836	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	39	1.377,0	1.377,0	0,0	LUC	01	184	1.377,0	LUC	CE 179477	9/9/2016
				Sau miếu	25	93	1.377,0	1.377,0	0,0	LUC	03	82	1.377,0	LUC		
37	Hộ bà: Hoàng Thị Tâm (Bà Hoàng Thị Tâm đã chết)-Ông Nguyễn Văn Hùng là đại diện	001077013512	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	41	1.440,0	1.440,0	0,0	LUC	01	183	1.440,0	LUC	CE 397849	30/9/2016
				Sau Miếu	25	115	955,0	955,0	0,0	LUC	03	84	955,0	LUC		
				Sau Miếu	25	181	511,0	511,0	0,0	LUC	03	90	511,0	LUC		
38	Hộ ông: Nguyễn Văn Thân (Vượng)	001051013251	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	133	1.476,0	1.476,0	0,0	LUC	03	86	1.476,0	LUC	CE 397839	30/9/2016
				Ėp Ngoài	21	51	1.522,0	1.522,0	0,0	LUC	01	199	1.522,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
39	Hộ bà: Tạ Thị Lịch	001138002743	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	119	1.476,0	1.476,0	0,0	LUC	03	85	1.476,0	LUC	CE 396269	9/9/2016
				Ėp Ngoài	21	60	1.476,0	1.476,0	0,0	LUC	01	207	1.476,0	LUC		
40	Hộ ông: Nguyễn Văn Phi	001062016612	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Lán	25	14	1.926,0	1.926,0	0,0	LUC	03	18	1.926,0	LUC	CG 241947	30/12/2016
				Ėp Ngoài	21	56	169,0	169,0	0,0	LUC	01	206	169,0	LUC		
41	Hộ bà: Nguyễn Thị Thom	001135000162	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	34	2.079,0	2.079,0	0,0	LUC	01	169	2.079,0	LUC	CE 397848	30/9/2016
				Sau đồng	26	22	2.763,0	2.763,0	0,0	LUC	04	24	2.763,0	LUC		
42	Hộ ông: Lý Văn Đăng	001054027092	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	26	26	228,0	228,0	0,0	LUC	04	27	228,0	LUC	CE 396389	9/9/2016
				Sau Miếu	25	32	1.199,0	1.199,0	0,0	LUC	03	44	1.199,0	LUC		
				Ėp Ngoài	21	37	1.454,0	1.454,0	0,0	LUC	01	177	1.454,0	LUC		
43	Hộ bà: Nguyễn Thị Gái	001146013605	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	25	1.326,0	1.326,0	0,0	LUC	03	27	1.326,0	LUC	CG 222115	22/12/2016
				Ėp Ngoài	21	44	1.326,0	1.326,0	0,0	LUC	01	186	1.326,0	LUC		
44	Hộ ông: Nguyễn Văn Tương	001051006137	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	19	1.332,0	1.332,0	0,0	LUC	03	28	1.332,0	LUC	CE 179481	31/8/2016
				Ėp Ngoài	21	45	1.332,0	1.332,0	0,0	LUC	01	198	1.332,0	LUC		
45	Hộ ông: Nguyễn Văn Hạnh	001063041814	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	63	2.054,0	2.054,0	0,0	LUC	01	221	2.054,0	LUC	CG 222120	22/12/2016
				Sau Miếu	25	54	200,0	200,0	0,0	LUC	03	143	200,0	LUC		
46	Hộ bà: Trương Thị Dệt (Bà Trương Thị Dệt đã chết) - Bà Nguyễn Thị Phương là đại diện	001163039973	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	57	360,0	360,0	0,0	LUC	01	299	360,0	LUC	CG 241953	30/12/2016
47	Hộ ông: Nguyễn Văn Châu (Ông Nguyễn Văn Châu đã chết) - Ông Nguyễn Văn Năm là đại diện	001163039973	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	50	2.196,0	2.196,0	0,0	LUC	03	47	2.196,0	LUC	CE 207631	07/9/2016
48	Hộ ông: Thảm Đĩnh Vệ (Ông Thảm Đĩnh Vệ đã chết) - Ông Thảm Đĩnh Hà là đại diện	001088050996	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	61	1.134,0	1.134,0	0,0	LUC	03	66	1.134,0	LUC	CE 396258	9/09/2016
				Ėp Ngoài	21	67	1.134,0	1.134,0	0,0	LUC	01	222	1.134,0	LUC		
49	Hộ ông: Lý Văn Khải	001079044623	Thôn Rùa Hạ, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	76	1.251,0	1.251,0	0,0	LUC	03	77	1.251,0	LUC	CE 396264	9/9/2016
				Ėp Ngoài	21	79	1.516,0	1.516,0	0,0	LUC	01	228	1.516,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
50	Hộ ông: Trần Văn Mẫn	001064015590	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Miếu	25	89	1.197,0	1.197,0	0,0	LUC	03	81	1.197,0	LUC	CG 222112	22/12/2016
				Ēp Ngoài	21	73	1.217,0	1.217,0	0,0	LUC	01	245	1.217,0	LUC		
				Thác	25	345	427,0	427,0	0,0	LUC	03	149	427,0	LUC		
51	Hộ ông: Lý Văn Chiến (Bích)	001047001644	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	36	1.602,0	1.602,0	0,0	LUC	01	179	1.602,0	LUC	CE 586413	30/9/2016
				Cửa Am	25	480	1.602,0	1.602,0	0,0	LUC	03	130	1.602,0	LUC		
52	Hộ ông: Nguyễn Văn Hiếu	001059008874	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	509	1.062,0	1.062,0	0,0	LUC	03	134	1.062,0	LUC	CE 179479	31/8/2016
				Đồng Moi	21	38	1.062,0	1.062,0	0,0	LUC	01	180	1.062,0	LUC		
53	Hộ ông: Nguyễn Văn Nam	001064026942	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	519	1.233,0	1.233,0	0,0	LUC	03	133	1.233,0	LUC	CE 179487	31/8/2016
				Đồng Moi	21	43	1.233,0	1.233,0	0,0	LUC	01	181	1.233,0	LUC		
54	Hộ ông: Hoàng Xuân Hùng	001081044728	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	543	1.350,0	1.350,0	0,0	LUC	03	136	1.350,0	LUC	CE 207632	07/9/2016
				Đồng Moi	21	46	1.350,0	1.350,0	0,0	LUC	01	202	1.350,0	LUC		
55	Hộ ông: Trần Văn Mộc	001062040809	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	535	1.252,0	1.252,0	0,0	LUC	3	137	1.252,0	LUC	CE 207217	31/8/2016
				Đồng Moi	21	53	1.252,0	1.252,0	0,0	LUC	1	203	1.252,0	LUC		
56	Hộ ông: Trần văn Hiến	001052007704	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	527	1.100,0	1.100,0	0,0	LUC	03	138	1.100,0	LUC	CE 397843	30/9/2016
				Đồng Moi	21	61	1.100,0	1.100,0	0,0	LUC	02	207	1.100,0	LUC		
57	Hộ bà: Nguyễn Thị Mừng	001157029692	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	25	557	180,0	180,0	0,0	LUC	3	148	180,0	LUC	CE 207223	31/8/2016
				Đồng Moi	21	58	234,0	234,0	0,0	LUC	2	231	234,0	LUC		
58	Hộ ông: Hoàng Văn Châu	001058009701	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cửa Am	30	42	1.270,0	1.270,0	0,0	LUC	03	141	1.270,0	LUC	CG 241944	30/12/2016
				Đồng Moi	22	177	1.270,0	1.270,0	0,0	LUC	02	211	1.270,0	LUC		
				Cổ Hạc	20	54	517,0	517,0	0,0	LUC	01	235	517,0	LUC		
59	Hộ ông: Trịnh Văn Vũ	001067032946	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	48	336,0	336,0	0,0	LUC	01	200	336,0	LUC	CG 241952	30/12/2016
				Cổ Hạc	20	77	1.883,0	1.883,0	0,0	LUC	01	274	1.883,0	LUC		
60	Hộ ông: Nguyễn Văn Luật	001067005798	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	65	1.908,0	1.908,0	0,0	LUC	01	201	1.908,0	LUC	CE 586400	22/11/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
61	Hộ ông: Nguyễn Văn Chuyên	001068010578	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	54	1.458,0	1.458,0	0,0	LUC	01	204	1.458,0	LUC	CE 179476	31/8/2016
62	Ông: Nguyễn Văn Bộ (Hoàng Thị Loan)	001089027489	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	59	558,0	558,0	0,0	LUC	04	30	558,0	LUC	CG 345055	30/12/2016
				Đồng Moi	21	71	1.483,0	1.483,0	0,0	LUC	01	224	1.483,0	LUC		
63	Hộ ông: Nguyễn Đức Vân	001060019936	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	51	558,0	558,0	0,0	LUC	01	214	558,0	LUC	CG 241949	30/12/2016
				Đồng Moi	21	75	1.920,0	1.920,0	0,0	LUC	01	225	1.920,0	LUC		
64	Hộ ông: Trần Văn Thắng	001083022829	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	84	1.532,0	1.532,0	0,0	LUC	01	247	1.532,0	LUC	CE 396420	9/9/2016
65	Hộ ông: Nguyễn Văn Sinh	001057033829	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	184	559,0	559,0	0,0	LUC	2	219	559,0	LUC	CE 207220	31/8/2016
				Đồng Moi	21	89	1.367,0	1.367,0	0,0	LUC	2	218	1.367,0	LUC		
66	Hộ ông: Lý Văn Bình	001060039089	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	174	1.908,0	1.908,0	0,0	LUC	02	213	1.908,0	LUC	CG 222108	22/12/2016
67	Hộ ông: Nguyễn Văn Kiêm	001066005604	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	179	1.530,0	1.530,0	0,0	LUC	02	217	1.530,0	LUC	CG 222107	22/12/2016
68	Hộ ông: Trịnh Minh Phương	001067012278	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	182	360,0	360,0	0,0	LUC	02	216	360,0	LUC	CE 207629	7/9/2016
69	Hộ bà: Lý Thị Thắng	001173011310	thôn Dụ Tiên, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	181	432,0	432,0	0,0	LUC	02	232	432,0	LUC	CE 396272	9/9/2016
70	Hộ ông: Lý Văn Chiến (Xuân)	001068022181	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	26	03	2.221,0	2.221,0	0,0	LUC	04	03	2.221,0	LUC	CG 345026	30/12/2016
				Sau Đồng	22	180	738,0	738,0	0,0	LUC	02	220	738,0	LUC		
71	Hộ ông: Nguyễn Văn Giang	001074014574	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	183	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	02	221	1.080,0	LUC	CG 222116	22/12/2016
72	Hộ ông: Thái Đình Thung	001049012982	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	26	38	432,0	432,0	0,0	LUC	04	36	432,0	LUC	CE 179478	31/8/2016
				Sau Đồng	22	187	1.368,0	1.368,0	0,0	LUC	02	222	1.368,0	LUC		
73	Hộ ông: Nguyễn Văn Công	001067035233	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	106	648,0	648,0	0,0	LUC	01	272	648,0	LUC	CG 411603	30/12/2016
				Sau Đồng	26	01	1.310,0	1.310,0	0,0	LUC	04	01	1.310,0	LUC		
74	Hộ ông: Nguyễn Văn Hưng (Hà)	001067039826	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	26	12	636,0	636,0	0,0	LUC	04	11	636,0	LUC	CG 241945	30/12/2016
				Sau Đồng	26	04	715,0	715,0	0,0	LUC	04	02	715,0	LUC		
				Cổ Hạc	20	45	558,0	558,0	0,0	LUC	01	213	558,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
75	Hộ ông: Nguyễn Văn Quyết	001071021966	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	26	08	1.710,0	1.710,0	0,0	LUC	04	06	1.710,0	LUC	CG 222114	22/12/2016
76	Hộ bà: Nguyễn Thị Ngoan (Bà Nguyễn Thị Ngoan đã chết) - Ông Nguyễn Văn Mộc là đại diện	001062040809	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	188	720,0	720,0	0,0	LUC	04	79	720,0	LUC	CE 586399	22/11/2016
77	Hộ ông: Nguyễn Văn Xuân	001072017268	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	186	1.134,0	1.134,0	0,0	LUC	02	255	1.134,0	LUC	CG 126995	22/11/2016
78	Hộ bà: Nguyễn Thị Nữ	035152005794	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	407	1.252,0	1.252,0	0,0	LUC	03	116	1.252,0	LUC	CE 396385	9/9/20106
				Thác	25	335	190,0	190,0	0,0	LUC	03	108	190,0	LUC		
79	Hộ ông: Nguyễn Văn Tấn	001047003062	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	288	1.323,0	1.323,0	0,0	LUC	03	109	1.323,0	LUC	CG 411813	30/12/2016
80	Hộ ông: Nguyễn Văn Ước	001069017982	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	309	640,0	640,0	0,0	LUC	03	102	640,0	LUC	CE 179493	31/8/2016
				Thác	25	257	386,0	386,0	0,0	LUC	03	94	386,0	LUC		
81	Hộ ông: Nguyễn Văn Dân (Ông Nguyễn Văn Dân đã chết) - Vợ: Ngô Thị Hiếu đại diện	001155026980	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	26	21	520,0	520,0	0,0	LUC	04	20	520,0	LUC	CE 336813	23/9/2016
				Thác	25	232	1.325,0	1.325,0	0,0	LUC	03	95	1.325,0	LUC		
82	Hộ ông: Thái Đình Úc	001051004472	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ hạc	20	62	365,0	365,0	0,0	LUC	01	240	365,0	LUC	CE 179483	31/8/2016
				Cỏ Hạc	20	46	1.147,0	1.147,0	0,0	LUC	01	212	1.147,0	LUC		
83	Hộ ông: Thảm Đình Bảo	001053001698	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	48	1.521,0	1.521,0	0,0	LUC	01	192	1.521,0	LUC	CE 179494	31/8/2016
84	Hộ ông: Trần Văn Hùng	001068033832	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	26	18	1.116,0	1.116,0	0,0	LUC	04	21	1.116,0	LUC	CG 126994	22/11/2016
				Thác	25	158	1.116,0	1.116,0	0,0	LUC	03	89	1.116,0	LUC		
85	Hộ bà: Lý Thị Nhung	00115507023	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	26	16	1.125,0	1.125,0	0,0	LUC	04	16	1.125,0	LUC	CE 336811	23/9/2016
				Thác	25	173	1.125,0	1.125,0	0,0	LUC	03	88	1.125,0	LUC		
86	Hộ ông: Lý Văn Tài	001062011422	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau đồng	26	14	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	04	13	1.179,0	LUC	CE 396388	31/8/2016
				Thác	25	148	313,0	313,0	0,0	LUC	03	87	313,0	LUC		
				Bờ Dùi	20	74	890,0	890,0	0,0	LUC	03	13	890,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
87	Hộ ông: Nguyễn Văn Bầu (Ông Nguyễn Văn Bầu đã chết) - Vợ: Ngô Thị Gia đại diện	001148017370	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	26	06	1.044,0	1.044,0	0,0	LUC	4	14	1.044,0	LUC	CE 207227	31/8/2016
				Đồng Lục	26	35	432,0	432,0	0,0	LUC	4	38	432,0	LUC		
				Cánh Buồm	24	01	1.044,0	1.044,0	0,0	LUC	3	14	1.044,0	LUC		
88	Hộ bà: Cao Thị Cấn	001160033225	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cánh Buồm	24	03	1.269,0	1.269,0	0,0	LUC	03	15	1.269,0	LUC	CG 345056	30/12/2016
				Sau Đồng	25	15	1.269,0	1.269,0	0,0	LUC	04	05	1.269,0	LUC		
89	Hộ ông: Lý Văn Lợi (Ông Lý Văn Lợi đã chết) - Vợ: Nguyễn Thị Tri đại diện	001158010088	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	25	09	275,0	275,0	0,0	LUC	04	04	275,0	LUC	CE 397846	30/9/2016
				Đồng Moi	25	04	1.006,0	1.006,0	0,0	LUC	03	02	1.006,0	LUC		
				Bờ Rủi	24	6	1.599,0	1.599,0	0,0	LUC	03	16	1.599,0	LUC		
90	Hộ ông: Nguyễn Mạnh Tiến	001053013655	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ hạc	20	42	1.620,0	1.620,0	0,0	LUC	01	90	1.620,0	LUC	CE 336810	23/9/2016
91	Hộ bà: Nguyễn Thị Sinh	001140015448	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	26	33	1.325,0	1.325,0	0,0	LUC	04	35	1.325,0	LUC	CE 207634	07/09/2016
				Cỏ Hạc	20	27	1.548,0	1.548,0	0,0	LUC	01	159	1.548,0	LUC		
92	Hộ ông: Lê Văn Sang	001059028642	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	104	1.275,0	1.275,0	0,0	LUC	01	269	1.275,0	LUC	CG 222121	22/12/2016
				Cánh Buồm	24	8	1.275,0	1.275,0	0,0	LUC	03	34	1.275,0	LUC		
93	Hộ ông: Lê Tiến Chung	001054010728	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	95	1.143,0	1.143,0	0,0	LUC	01	268	1.143,0	LUC	CE 179480	31/8/2016
				Bờ dùi	24	11	1.143,0	1.143,0	0,0	LUC	03	35	1.143,0	LUC		
94	Hộ ông: Trịnh Anh Vui	001061032540	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	90	1.197,0	1.197,0	0,0	LUC	01	248	1.197,0	LUC	CG 411815	30/12/2016
				Cánh Buồm	24	12	1.197,0	1.197,0	0,0	LUC	03	38	1.197,0	LUC		
95	Hộ ông: Hoàng Văn Thọ	001080010904	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	83	1.301,0	1.301,0	0,0	LUC	01	246	1.301,0	LUC	CE 396384	9/9/2016
				Bờ Dùi	24	16	1.301,0	1.301,0	0,0	LUC	03	37	1.301,0	LUC		
96	Hộ ông: Hoàng Văn Long	001061009359	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	74	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	01	226	1.179,0	LUC	CE 207630	7/9/2016
				Cánh Buồm	24	15	1.179,0	1.179,0	0,0	LUC	03	54	1.179,0	LUC		
97	Hộ bà: Hoàng Thị Huệ	001165020651	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	80	1.107,0	1.107,0	0,0	LUC	01	227	1.107,0	LUC	CE 179486	31/8/2016
				Bờ dùi	24	19	1.107,0	1.107,0	0,0	LUC	01	57	1.107,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
98	Hộ ông: Nguyễn Văn Thành (Hoàn)	001064015518	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Bờ Dùi	24	24	1.256,0	1.256,0	0,0	LUC	03	56	1.256,0	LUC	CE 396381	9/9/2016
				Đồng Moi	21	86	1.130,0	1.130,0	0,0	LUC	01	250	1.130,0	LUC		
				Đồng Moi	21	70	153,0	153,0	0,0	LUC	01	223	153,0	LUC		
99	Hộ ông: Nguyễn Văn Lý (Ông Nguyễn Văn Lý Đã chết)- Ông Nguyễn Văn Cương là người đại diện	001073038774	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	88	1.404,0	1.404,0	0,0	LUC	01	249	1.404,0	LUC	CE 179495	31/8/2016
				Bờ dùi chéo	24	30	978,0	978,0	0,0	LUC	03	72	978,0	LUC		
				Bờ Dùi	20	76	426,0	426,0	0,0	LUC	01	275	426,0	LUC		
100	Hộ ông: Nguyễn Văn Kỳ	001061029311	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	98	1.206,0	1.206,0	0,0	LUC	01	267	1.206,0	LUC	CE 179491	31/8/2016
				Cổ Hạc	20	69	611,0	611,0	0,0	LUC	01	257	611,0	LUC		
				Cổ Hạc	20	60	595,0	595,0	0,0	LUC	01	239	595,0	LUC		
101	Hộ ông: Nguyễn Văn Lạc	001060009134	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	43	1.637,0	1.637,0	0,0	LUC	03	46	1.637,0	LUC	CE 396382	9/9/2016
				Cổ hạc	20	20	1.637,0	1.637,0	0,0	LUC	01	135	1.637,0	LUC		
102	Hộ ông: Nguyễn Văn Trường	001062023920	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng lục	25	51	1.411,0	1.411,0	0,0	LUC	03	61	1.411,0	LUC	CE 179492	31/8/2016
				Cổ Hạc	20	23	1.530,0	1.530,0	0,0	LUC	01	136	1.530,0	LUC		
103	Hộ ông: Vũ Bá Hiền	001049003356	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	47	1.704,0	1.704,0	0,0	LUC	03	62	1.704,0	LUC	CE 396285	9/9/2016
				Cổ hạc	20	24	1.705,0	1.705,0	0,0	LUC	01	146	1.705,0	LUC		
104	Hộ ông: Thái Đình Phúc	001054023839	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	53	1.611,0	1.611,0	0,0	LUC	03	63	1.611,0	LUC	CE 179485	31/8/2016
				Cổ Hạc	20	26	1.611,0	1.611,0	0,0	LUC	01	148	1.611,0	LUC		
105	Hộ ông: Nguyễn Văn Điều	001059009236	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	67	1.529,0	1.529,0	0,0	LUC	03	64	1.529,0	LUC	CE 397847	30/9/2016
				Cổ Hạc	20	31	1.529,0	1.529,0	0,0	LUC	01	157	1.529,0	LUC		
106	Hộ ông: Nguyễn Văn Minh	001055008115	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	74	1.647,0	1.647,0	0,0	LUC	03	78	1.647,0	LUC	CE 336814	23/9/2016
				Cổ Hạc	20	39	1.025,0	1.025,0	0,0	LUC	01	189	1.025,0	LUC		
				Cổ Hạc	20	33	478,0	478,0	0,0	LUC	01	161	478,0	LUC		

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
107	Hộ ông: Nguyễn Văn Trồng	001058009696	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	97	1.578,0	1.578,0	0,0	LUC	03	80	1.578,0	LUC	CG 411818	30/12/2016
				Cổ Hạc	20	35	1.578,0	1.578,0	0,0	LUC	01	172	1.578,0	LUC		
108	Hộ ông: Nguyễn Văn Hình	001057031104	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lục	25	118	1.672,0	1.672,0	0,0	LUC	4	34	1.672,0	LUC	CE 207206	31/8/2016
				Cổ Hạc	20	32	1.672,0	1.672,0	0,0	LUC	1	160	1.672,0	LUC		
109	Hộ bà: Hoàng Thị Lan	001187031142	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	52	1.188,0	1.188,0	0,0	LUC	01	215	1.188,0	LUC	CE 397838	30/9/2016
				Cổ Hạc	20	57	558,0	558,0	0,0	LUC	01	237	558,0	LUC		
110	Hộ ông: Nguyễn Văn Cường	001076011882	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	105	692,0	692,0	0,0	LUC	01	271	692,0	LUC	CE 397841	30/9/2016
				Cổ Hạc	21	28	1.140,0	1.140,0	0,0	LUC	01	170	1.140,0	LUC		
111	Hộ bà: Nguyễn Thị Nghĩa	001150018709	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	21	33	720,0	720,0	0,0	LUC	01	171	720,0	LUC	CE 396261	9/9/2016
112	Hộ ông: Trịnh Anh Bình	001056029095	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	21	29	1.804,0	1.804,0	0,0	LUC	1	176	1.804,0	LUC	CE 207205	31/8/2016
113	Hộ ông: Nguyễn Văn Nhu	001040007257	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	40	730,0	730,0	0,0	LUC	001	175	730,0	LUC	CG 241954	30/12/2016
114	Hộ ông: Nguyễn Văn Báu (Ông Nguyễn Văn Báu Đã chết) - Vợ: Đào Thị Bốn đại diện	001161002567	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	38	1.224,0	1.224,0	0,0	LUC	1	187	1.224,0	LUC	CE 207216	31/08/2016
115	Hộ ông: Hoàng Anh Tuấn	001075021018	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	41	1.340,0	1.340,0	0,0	LUC	01	188	1.340,0	LUC	CG 345028	30/12/2016
116	Hộ ông: Đặng Văn Nghĩa	001066000799	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	43	1.465,0	1.465,0	0,0	LUC	01	194	1.465,0	LUC	CE 179489	31/08/2016
117	Hộ ông: Hoàng Văn Tư	001068039753	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	47	1.458,0	1.458,0	0,0	LUC	01	193	1.458,0	LUC	CE 179473	31/08/2016
118	Hộ ông: Lý Văn Đông	001064010242	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	44	2.016,0	2.016,0	0,0	LUC	01	211	2.016,0	LUC	CG 241951	30/12/2016
				Đồng Lân	25	39	308,0	308,0	0,0	LUC	03	142	308,0	LUC		
				Ėp Ngoài	21	26	250,0	250,0	0,0	LUC	01	151	250,0	LUC		
119	Hộ ông: Hoàng Văn Dũng	001073006504	Thôn Rùa Hạ 2, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	49	540,0	540,0	0,0	LUC	01	217	540,0	LUC	CE 397834	30/9/2016
120	Hộ ông: Đặng Đoàn Hải	001073027579	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	50	540,0	540,0	0,0	LUC	01	216	540,0	LUC	CE 396254	9/9/2016
121	Hộ ông: Lý Văn Doanh	001074034564	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	56	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	1	232	1.080,0	LUC	CE 207224	31/8/2016
122	Hộ ông: Nguyễn Văn Kháng	001064038138	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cổ Hạc	20	58	1.944,0	1.944,0	0,0	LUC	1	233	1.944,0	LUC	CE 207207	2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
123	Hộ bà: Lý Trà Cúc	001168013865	Thôn Thiên Đông, xã Tam Hưng	Cỏ Hạc	20	61	846,0	846,0	0,0	LUC	01	242	846,0	LUC	CG 222109	22/12/2016
124	Hộ ông: Nguyễn Văn Bình	001062013080	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	67	1.818,0	1.818,0	0,0	LUC	01	241	1.818,0	LUC	CE 397837	30/9/2016
125	Hộ bà: Lý Thị Nga	001148002453	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	65	957,0	957,0	0,0	LUC	01	256	957,0	LUC	CE 396283	9/9/2016
126	Hộ ông: Nguyễn Văn Phần	001062041792	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	70	1.926,0	1.926,0	0,0	LUC	1	260	1.926,0	LUC	CE 207212	31/8/2016
127	Hộ ông: Nguyễn Văn Long	001076068950	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Cỏ Hạc	20	73	360,0	360,0	0,0	LUC	01	258	360,0	LUC	CE 396266	9/9/2016
128	Hộ ông: Nguyễn Văn Quang	001074021794	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	68	393,0	393,0	0,0	LUC	1	218	393,0	LUC	CE 207211	31/8/2016
				Gò Sung	21	40	225,0	225,0	0,0	LUC	1	195	225,0	LUC		
129	Hộ ông: Hoàng Văn Nam	001070048759	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	47	1.087,0	1.087,0	0,0	LUC	196	196	1.087,0	LUC	CG 222110	22/12/2016
130	Hộ ông: Nguyễn Văn Cương	001071026660	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	50	720,0	720,0	0,0	LUC	01	197	720,0	LUC	CE 586397	22/11/2016
131	Hộ ông: Lê Đình Thư	001061018644	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	62	1.623,0	1.623,0	0,0	LUC	01	210	1.623,0	LUC	CE 179488	31/8/2016
132	Hộ ông: Hoàng Văn Tập	001066003004	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	55	1.530,0	1.530,0	0,0	LUC	1	219	1.530,0	LUC	CE 207226	31/8/2016
133	Hộ bà: Lý Thị Trà	001170005847	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	69	1.112,0	1.112,0	0,0	LUC	01	220	1.112,0	LUC	CE 396280	9/9/2016
134	Hộ ông: Nguyễn Mạnh Đoạt	001052008285	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	77	3.096,0	3.096,0	0,0	LUC	01	229	3.096,0	LUC	CG 411604	30/12/2016
135	Hộ ông: Lê Văn Hiếu	001069031424	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	85	1.376,0	1.376,0	0,0	LUC	01	244	1.376,0	LUC	CE 396275	9/9/2016
136	Hộ ông: Nguyễn Văn Tiến	001071047679	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	93	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	01	252	1.080,0	LUC	CE 336805	23/9/2016
137	Hộ bà: Nguyễn Thị Hát	001136009336	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	87	756,0	756,0	0,0	LUC	01	251	756,0	LUC	CE 586415	30/9/2016
138	Hộ ông: Nguyễn Văn Hanh	001065033230	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	96	1.932,0	1.932,0	0,0	LUC	01	216	1.932,0	LUC	CG 411812	30/12/2016
139	Hộ ông: Lý Văn Công	001070012594	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	72	1.458,0	1.458,0	0,0	LUC	01	231	1.458,0	LUC	CE 179474	31/8/2016
140	Hộ ông: Nguyễn Văn Chuyên	001071012772	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	76	1.332,0	1.332,0	0,0	LUC	1	230	1.332,0	LUC	CE 207221	31/8/2016
141	Hộ ông: Thái Đình Ninh	001068039867	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	82	1.530,0	1.530,0	0,0	LUC	01	243	1.530,0	LUC	CE 396265	9/9/2016
				Đồng Lục	26	34	540,0	540,0	0,0	LUC	04	39	540,0	LUC		
142	Hộ ông: Nguyễn Văn Thường	001066048931	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	92	2.304,0	2.304,0	0,0	LUC	01	254	2.304,0	LUC	CE 396278	9/9/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
143	Hộ bà: Lê Thị Bé (Bà Lê Thị Bé đã chết) - Con trai: Trịnh Quốc Toàn đại diện	001072030190	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	21	97	1.782,0	1.782,0	0,0	LUC	01	263	1.782,0	LUC	CE 396256	9/9/2016
144	Hộ ông: Nguyễn Văn Thân	001068009070	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Xung	21	102	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	3	1	1.080,0	LUC	CE 207208	31/8/2016
145	Hộ bà: Lê Thị Cúc	001167025543	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	25	06	1.350,0	1.350,0	0,0	LUC	03	7	1.350,0	LUC	CE 396276	9/9/2016
146	Hộ ông: Nguyễn Văn Thông	001070106333	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	25	17	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	03	19	1.080,0	LUC	CG 222117	22/12/2016
147	Hộ ông: Nguyễn Văn Thành	001078043292	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Gò Sung	25	12	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	03	20	1.080,0	LUC	CG 222119	22/12/2016
148	Hộ ông: Trần Văn Vượng	001057035953	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	44	713,0	713,0	0,0	LUC	03	50	713,0	LUC	CE 397842	30/9/2016
				Gò Sung	25	18	760,0	760,0	0,0	LUC	03	30	760,0	LUC		
				Ép trong	20	78	490,0	490,0	0,0	LUC	01	116	490,0	LUC		
149	Hộ bà: Nguyễn Thị Nha	001133003006	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	38	1.386,0	1.386,0	0,0	LUC	03	51	1.386,0	LUC	CE 396255	9/9/2016
150	Hộ bà: Nguyễn Thị Chanh	001149005407	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	35	1.368,0	1.368,0	0,0	LUC	03	41	1.368,0	LUC	CE 179472	31/8/2016
151	Hộ ông: Nguyễn Văn Tư	001065041533	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	01	2.148,0	2.148,0	0,0	LUC	03	09	2.148,0	LUC	CE 336812	23/9/2016
152	Hộ bà: Lý Thị Biện (Bà Lý Thị Biện đã chết)- Ông Hoàng Văn Dũng đại diện	001075042427	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	21	99	1.224,0	1.224,0	0,0	LUC	01	273	1.224,0	LUC	CE 336806	23/09/2016
153	Hộ ông: Hoàng Văn Luyện	001070007384	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Moi	21	94	540,0	540,0	0,0	LUC	01	262	540,0	LUC	CE 396273	9/9/2016
154	Hộ bà: Nguyễn Thị Thanh	001169008664	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	20	71	1.548,0	1.548,0	0,0	LUC	01	261	1.548,0	LUC	CG 411816	30/12/2016
155	Hộ ông: Nguyễn Văn Thương	001068021728	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	24	2	1.087,0	1.087,0	0,0	LUC	03	11	1.087,0	LUC	CE 397836	30/9/2016
				Đồng Làn	20	63	840,0	840,0	0,0	LUC	01	255	840,0	LUC		
156	Hộ ông: Nguyễn Văn Yên	001074010526	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	24	5	360,0	360,0	0,0	LUC	3	10	360,0	LUC	CE 207210	31/8/2016
157	Hộ ông: Nguyễn Đức Thọ	001075005982	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	24	10	1.442,0	1.442,0	0,0	LUC	03	17	1.442,0	LUC	CE 207628	7/9/2016
158	Hộ ông: Nguyễn Tiến Công (Ký)	001090013716	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	24	7	1.728,0	1.728,0	0,0	LUC	03	33	1.728,0	LUC	CE 396281	9/9/2016
159	Hộ ông: Trần Văn Nhượng	001068033754	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	20	2.052,0	2.052,0	0,0	LUC	03	31	2.052,0	LUC	CG 241946	30/12/2016
160	Hộ ông: Nguyễn Tiến Minh	001071012977	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Lan	25	31	918,0	918,0	0,0	LUC	03	40	918,0	LUC	CE 179471	31/8/2016
161	Hộ bà: Hoàng Thị Lộc	001162037542	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	27	1.368,0	1.368,0	0,0	LUC	03	53	1.368,0	LUC	CE 396259	9/9/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
162	Hộ ông: Nguyễn Văn Thắng	001073013180	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	42	900,0	900,0	0,0	LUC	03	52	900,0	LUC	CE 396282	9/9/2016
163	Hộ ông: Lê Minh Thắng	001077014533	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	49	1.440,0	1.440,0	0,0	LUC	03	58	1.440,0	LUC	CE 207202	31/8/2016
164	Hộ ông: Trần Văn Đức	001056015191	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	46	1.152,0	1.152,0	0,0	LUC	03	71	1.152,0	LUC	CE 396383	9/9/2016
				Thác	25	481	686,0	686,0	0,0	LUC	03	135	686,0	LUC		
165	Hộ ông: Trịnh Văn Toàn	001074014331	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	56	540,0	540,0	0,0	LUC	03	70	540,0	LUC	CG 241948	30/12/2016
166	Hộ ông: Nguyễn Tiến Công (Bình)	001073040267	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Làn	25	63	1.206,0	1.206,0	0,0	LUC	3	69	1.206,0	LUC	CE 207222	31/8/2016
167	Hộ ông: Nguyễn Văn Toàn	001072041862	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	354	548,0	548,0	0,0	LUC	03	104	548,0	LUC	CG 222113	22/12/2016
				Đồng Làn	25	78	568,0	568,0	0,0	LUC	03	74	568,0	LUC		
168	Hộ ông: Hoàng Văn Cường	001072021817	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	277	1.080,0	1.080,0	0,0	LUC	03	100	1.080,0	LUC	CE 396270	9/9/2016
169	Hộ ông: Trần Văn Minh	001066039656	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	308	2.070,0	2.070,0	0,0	LUC	03	103	2.070,0	LUC	CG 241950	30/12/2016
170	Hộ ông: Trần Văn Thực	001073027573	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	322	720,0	720,0	0,0	LUC	03	106	720,0	LUC	CE 207201	31/8/2016
171	Hộ ông: Trần Thị Hà	001157024417	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	332	653,0	653,0	0,0	LUC	03	105	653,0	LUC	CE 396284	9/9/2016
172	Hộ ông: Hoàng Anh Cường	001077039406	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	388	1.530,0	1.530,0	0,0	LUC	03	111	1.530,0	LUC	CE 336809	23/9/2016
173	Hộ ông: Nguyễn Văn Tắc	001060038241	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	368	1.242,0	1.242,0	0,0	LUC	3	112	1.242,0	LUC	CE 207215	31/8/2016
174	Hộ ông: Lý Mạnh Cường	001075008940	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	410	1.656,0	1.656,0	0,0	LUC	03	115	1.656,0	LUC	CE 396277	9/9/2016
175	Hộ bà: Nguyễn Thị Đường	001160011252	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	thác	25	449	838,0	838,0	0,0	LUC	03	121	838,0	LUC	CE 586801	30/9/2016
176	Hộ bà: Nguyễn Thị Huệ	001156015930	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	thác	25	437	330,0	330,0	0,0	LUC	03	122	330,0	LUC	CE 396257	9/9/2016
177	Hộ ông: Nguyễn Văn Quang (Tỉnh)	001060041769	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	367	1.110,0	1.110,0	0,0	LUC	03	117	1.110,0	LUC	CE 179482	31/8/2016
178	Hộ bà: Thắm Thị Cát (Bà Thắm Thị Cát đã chết) - Ông Lê Tiến Chung đại diện	001054010728	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	451	972,0	972,0	0,0	LUC	3	119	972,0	LUC	CE 207213	31/8/2016
179	Hộ ông: Nguyễn Văn Tặng	001059019513	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	433	1.368,0	1.368,0	0,0	LUC	03	120	1.368,0	LUC	CE 179475	31/8/2016
180	Hộ ông: Trần Văn Trâm	001061027336	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	491	720,0	720,0	0,0	LUC	3	128	720,0	LUC	CE 207214	31/8/2016
181	Hộ bà: Nguyễn Thị Song	001163021012	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Thác	25	463	1.142,0	1.142,0	0,0	LUC	03	126	1.142,0	LUC	CG 411549	30/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ đồng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m ²)	Diện tích còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
182	Hộ ông: Nguyễn Văn Bình (Quỳnh)	001068031158	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Ėp Ngoài	21	66	270,0	270,0	0,0	LUC	03	73	270,0	LUC	CG 241943	30/12/2016
183	Hộ ông: Trần Văn Mạnh	001073002388	Thôn Rùa Hạ 1, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Sau Đồng	22	185	360,0	360,0	0,0	LUC	4	80	360,0	LUC	CE 207225	31/08/2016
II	Tổng cộng (I)						336.671,0	336.671,0	0,0							